

Bản tin chứng khoán

Trong số này

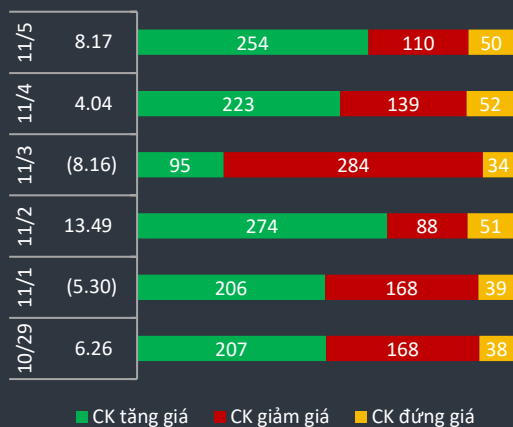
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

HPG		122.48
GAS		40.43
DPG		37.08
BCG		34.96
GEX		30.02
NKG		29.03
PLX	(17.29)	
CMX	(20.98)	
KDC	(21.96)	
DGC	(29.20)	
NLG	(33.85)	
SSI	(38.93)	
DPR	(55.64)	
PNJ	(60.81)	

Phiên cuối tuần mở cửa với tâm lý giao dịch khá hưng phấn của nhà đầu tư, tuy nhiên phiên sáng thị trường giằng co khi lực cung tăng mạnh sau khi VN-Index vượt cản 1.453 điểm. Nhóm ngân hàng, thép và bất động sản đồng thuận giảm điểm khiến xung lực tăng yếu dần. Trạng thái giao dịch chỉ cởi mở hơn vào phiên chiều khi dòng tiền quay trở lại những nhóm cổ phiếu cơ bản tăng trưởng như Thép, Phân bón, dệt may, dầu khí. Nhiều nhóm cổ phiếu đảo chiều giúp thị trường giao dịch sôi động hơn hẳn và giúp chỉ số Vnindex đảo chiều từ giảm sang tăng hơn 8 điểm cuối phiên.

DCM của nhóm phân đạm nổi sóng đầu tiên với cú bức phá dư mua trần kéo theo hàng loạt cổ phiếu cùng ngành chạy theo. DPM cuối phiên cũng vượt trần dư mua hơn 700 ngàn đơn vị, PSW, BFC, LAS đều tăng trên 6%.

Cổ phiếu dệt may cũng gây chú ý đầu tiên là với GIL tăng trần lên 73.2. Sau đó hàng loạt cổ phiếu khác cũng gia tăng lực cầu và kéo trần hàng loạt như TTG, HUG, TCM. Báo cáo kết quả kinh doanh Q3 nhóm ngành dệt may cho biết lợi nhuận chung tăng đến 77% nhờ nhiều doanh nghiệp gia tăng xuất khẩu năm nay và nhiều doanh nghiệp tăng mạnh lợi nhuận nhờ vào mảng sợi.

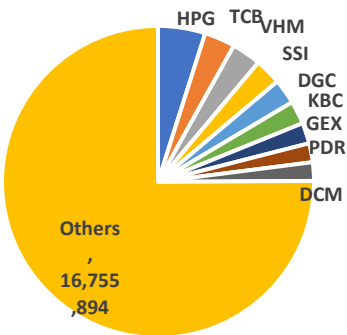
Nhóm ngành ngân hàng điều chỉnh nhẹ trong ngày với 18 mã giảm trong đó SGB, NAB, ABB giảm hơn -2%. Chỉ có 6 cổ phiếu bank xanh nhẹ trong đó SHB làm cú ngược dòng cuối phiên tăng hơn 3.2% khá ấn tượng. Cổ phiếu chứng khoán tích cực hơn với gần 2/3 mã xanh tuy nhiên chỉ tăng trung bình 2% như CTS, VIX, VDS. APS vẫn là cổ phiếu chứng khoán tăng ổn định nhất với trung bình hơn 6% mỗi phiên liên tục từ vùng giá 10 lên trên 40.

Khối ngoại trong ngày mua ròng 225 tỷ đồng trong đó riêng HPG mua ròng khoảng 122 tỷ đồng. Một số cổ phiếu mua ròng nhiều hôm nay như GAS, DPG, BCG, GEX. Phía bán ròng ghi nhận PNJ, DPR, SSI và NLG.

Vnindex 1,456.5
▲ 8.17 (-0.56%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
GAS	122.4	5,300	4.53
PNJ	108.0	4,000	3.85
POW	13.0	350	2.77
PLX	53.9	1,200	2.28
BCM	54.0	1,100	2.08
HVN	24.7	500	2.07
FPT	97.6	1,600	1.67
MWG	132.0	2,100	1.62
PDR	94.9	1,200	1.28
NVL	105.0	1,000	0.96
VNM	89.2	800	0.90
BVH	64.0	500	0.79
STB	27.7	200	0.73
HPG	56.6	300	0.53
REE	71.1	300	0.42
GVR	40.1	150	0.38
VJC	130.0	400	0.31
CTG	32.7	100	0.31
SAB	172.0	200	0.12
VIC	95.0	-	-
ACB	33.5	-	-
MSN	147.8	(100)	(0.07)
DHG	101.2	(100)	(0.10)
VPB	38.0	(50)	(0.13)
SSI	42.9	(100)	(0.23)
TCB	53.0	(300)	(0.56)
TPB	43.5	(250)	(0.57)
VIB	38.0	(300)	(0.78)
VHM	82.0	(700)	(0.85)
MBB	28.7	(250)	(0.87)
BID	43.6	(400)	(0.91)
VCB	97.5	(900)	(0.91)
VRE	31.2	(350)	(1.11)
HDB	26.7	(350)	(1.29)



Tuần này chỉ số Vnindex sau khi đạt đỉnh cao nhất đã hạ nhiệt và chỉ tăng thêm 12 điểm. Thanh khoản chung vẫn đạt mức rất cao với trung bình trên 26 ngàn tỷ riêng sàn HOSE mỗi phiên. Các nhóm ngành thay phiên tạo sóng vì vậy mỗi phiên giao dịch đều có từng nhóm cổ phiếu thu hút dòng tiền rất mạnh. Xu hướng thị trường tuần sau dự báo tiếp tục tích cực và dòng tiền sẽ vẫn xoay quanh nhóm cổ phiếu bất động sản, dầu khí, phân bón, thép, dệt may. Nhà đầu tư lưu ý thêm các nhóm ngành ngân hàng, bảo hiểm, , khu công nghiệp, bán lẻ sẽ có những đợt sóng mới ngắn hạn. Nhóm cổ phiếu ưu tiên nắm giữ: OCB, VPB, VCI, STK, TCM, DPR, NKG, DPM, DCM, FRT, DGW, GVR.

Thếp: NKG, HPG, HSG

Phân đạm: DPM, DCM

Ngân hàng: OCB, TPB, CTG

Các ngành khác: GVR, FPT, SZC, VCI, VND, DPR, BVH, ABI

Cổ phiếu nắm giữ trung và dài hạn

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
TCM	80.2	3.4	60	85	Mua quanh 75, nắm giữ	10/6/2021	25.3%
PET	31.1	0.2	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	11.1%
LCG	18.0	(1.6)	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	28.6%
DPR	84.0	4.7	57	95	Mua vào quanh 80, nắm giữ	9/21/2021	25.4%
IDC	86.7	17.0	45	85	Nắm giữ	9/21/2021	73.4%
REE	71.1	(4.9)	50	80	Nắm giữ	7/12/2021	39.4%
GVR	40.1	0.8	28	47	Nắm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	36.4%
HCM	42.1	10.2	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	23.8%
VCI	71.7	11.9	47	80	Nắm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	46.3%
SSI	42.9	5.9	45	60	Nắm giữ	7/12/2021	30.0%
MBB	28.7	0.5	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-1.0%
OCB	28.5	7.1	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	23.9%
HPG	56.6	(0.9)	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	25.8%
DGW	113.8	0.3	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	127.6%



Các cổ phiếu cho tín hiệu mua ngắn hạn

Bộ lọc cổ phiếu với các tiêu chí mua bán ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể mua khi giá chạm mục tiêu với kỳ vọng lợi nhuận từ 1 tuần đến 3 tháng. Một số cổ phiếu sẽ có hàm lượng rủi ro cao vì vậy luôn dự phòng vùng cắt lỗ chặn dưới 10%.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngưỡng cắt lỗ	Ngày đưa vào DM
TLH	23.0	(4.2)	20	30	Mua quanh 22-23. Mục tiêu 30	Cắt lỗ nếu dưới 20	11/5/2021
BNA	43.3	1.6	37	50	Mua quanh 42-43. Mục tiêu 50	Cắt lỗ nếu dưới 35	11/5/2021
PTB	112.3	(0.9)	100	125	Mua quanh 110-112. Mục tiêu 125	Cắt lỗ nếu dưới 100	11/5/2021
TLH	23.0	(4.2)	19	30	Mua quanh 22-23. Mục tiêu 30	Cắt lỗ nếu dưới 20	11/5/2021
DHC	96.1	2.8	85	110	Mua quanh 94-96. Mục tiêu 110	Cắt lỗ nếu dưới 90	11/5/2021
FIT	13.4	1.9	11	17	Mua quanh 12-13. Mục tiêu 17	Cắt lỗ nếu dưới 11	11/5/2021

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

GIL	6.86
FMC	6.87
VMD	6.87
STG	6.88
HAG	6.89
HAI	6.89
SPM	6.90
CMX	6.90
TAC	6.91
DPM	6.91
TCM	6.93
BFC	6.97
FCM	6.97
VGC	6.98
DQC	7.00
DIC	12.90
LMH	14.49
CLG	15.00

Top tăng giá HNX

DNY	8.33
CSC	8.43
VTV	8.99
SRA	9.09
ICG	9.20
TTL	9.43
PMB	9.58
TJC	9.59
LIG	9.62
TAR	9.75
PSW	9.79
PDB	9.80
MHL	9.84
SDA	9.84
API	9.86
VXB	9.90
PSE	10.00
NDF	11.54
SGO	12.50
DPS	12.50
NHP	12.50
SJC	12.90
LO5	13.04
MEC	13.51
SPP	14.29
KSK	14.29
NGC	14.46
ALV	14.63
LTC	14.71
PVX	14.71

MWG - CTCP Đầu tư Thế giới Di động – Đã thông qua Nghị quyết thành lập Công ty con để kinh doanh dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa. Công ty này có vốn điều lệ 100 tỷ đồng. Trong đó, MWG nắm 99.999% vốn điều lệ, số lượng còn lại do ông Nguyễn Đức Tài và CEO của Công ty logistic là ông Đỗ Tuấn Anh nắm giữ.

TTF - CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành - Đã thông qua quyết định đầu tư gần 5,4 triệu USD (tương đương 124 tỷ đồng) để nắm 20% vốn điều lệ tại một công ty có trụ sở tại Singapore.

CTD - CTCP Xây dựng Coteccons - Công bố chính thức vận hành hệ thống phần mềm Quản trị doanh nghiệp ERP do Công ty Hệ thống thông tin FPT (FPT IS) tư vấn và triển khai trong vòng chưa đầy 3 tháng.

IDC - Tổng CTCP IDICO - Ngày 09/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 10/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 24%, thanh toán bắt đầu từ ngày 25/11/2021.

HCT - CTCP Thương mại Dịch vụ Vận tải Xi măng Hải Phòng - Ngày 23/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 24/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 2%, thanh toán bắt đầu từ ngày 22/12/2021.

NBB – CTCP Đầu tư Năm Bảy Bảy - CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (Mã CK: CII) thông qua việc giảm sở hữu tại NBB xuống không thấp hơn mức 65,1% vốn điều lệ.

VCS - CTCP Vicostone - Lũy kế 9 tháng năm 2021, Vicostone đạt hơn 5.206 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 30% so với 9 tháng năm 2020; lợi nhuận trước thuế đạt 1.541,7 tỷ đồng, tăng 37%; lợi nhuận sau thuế đạt 1.304 tỷ đồng.

VGG - Tổng CTCP May Việt Tiến - Quý III/2021, doanh thu thuần của VGG giảm 57% so với cùng kỳ năm ngoái xuống 834,3 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí, Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế quý III/2021 âm 31,9 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ lãi 39,6 tỷ đồng; Công ty mẹ lỗ hơn 29,6 tỷ đồng.

IDI - Công ty Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I - Quý III/2021 doanh thu thuần đạt 1.110 tỷ đồng, giảm 26,7% so với cùng kỳ. Sau khi trừ chi phí, công ty báo lãi sau thuế hợp nhất quý III/2021 gần 10 tỷ đồng, giảm 22,3 tỷ đồng so với cùng kỳ năm ngoái (tương ứng giảm hơn 69%).

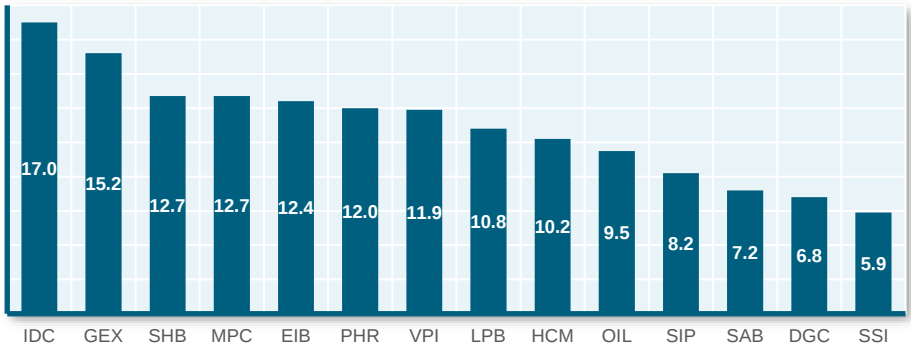


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	38.0	4,384,700	7.5	1.6	-	-	168,706	19.16	5,056	24,447
VIB	HOSE	38.0	758,900	6.7	2.8	22,100	2,000	59,019	20.47	5,638	13,552
VCB	UPCOM	97.5	1,126,300	17.6	3.4	944,200	834,700	361,616	23.53	5,532	28,293
VBB	HNX	17.2	54,521	20.7	1.5	-	50	8,216	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.7	931,964	14.8	1.3	-	-	7,876	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	43.5	2,881,900	9.5	2.3	223,600	1,000,000	50,968	29.98	4,565	18,925
TCB	HOSE	53.0	13,453,700	11.5	2.2	-	-	186,078	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	27.7	9,439,300	14.4	1.6	1,161,600	110,200	52,126	16.39	1,922	16,846
SSB	HOSE	37.6	3,310,100	21.8	3.1	100	-	50,478	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	31.5	45,432,800	14.4	2.2	311,800	44,100	60,671	3.71	2,183	14,014
SGB	HNX	18.1	127,447		1.5	-	-	5,575	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	25.7	580,067	34.8	1.9	-	-	7,710	15.00	739	13,529
OCB	HNX	28.5	6,450,700	7.5	1.6	3,500	-	39,042	21.91	3,799	17,827
NVB	HOSE	29.8	142,628	145.4	2.8	-	-	12,123	8.44	205	10,726
NAB	HOSE	21.8	334,250	6.5	1.3	3,500	4,000	9,951	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	24.6	9,070,200	7.5	1.4	700	-	37,577	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.7	8,074,100	7.4	1.4	278,200	1,044,500	108,249	23.23	3,897	19,986
LPB	HOSE	23.1	9,898,800	8.9	1.6	36,100	89,300	27,743	3.98	2,591	14,466
KLB	HOSE	24.2	119,523	11.9	1.7	-	-	8,748	-	2,035	14,117
HDB	HOSE	26.7	3,229,100	6.9	1.5	116,100	155,200	53,192	17.52	3,854	17,399
EIB	HOSE	25.3	492,700	28.9	1.8	900	2,400	31,105	29.71	874	14,061
CTG	HOSE	32.7	10,491,300	7.4	1.3	1,518,300	379,600	157,148	24.63	4,394	25,028
BVB	HOSE	22.4	3,493,954	19.4	1.8	7,600	-	8,223	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	43.6	1,940,900	17.4	2.1	10,300	13,700	175,360	16.59	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.9	78,491	24.1	1.9	-	41	17,247	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.5	3,967,400	7.2	2.2	-	-	90,515	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	22.9	2,347,852	8.2	1.4	-	-	13,083	30.00	2,801	16,671
			142,613,597	18.79	1.90	4,638,600	3,679,791	1,808,342		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	MCM	UPCoM	29/11/2021	30/11/2021	22/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	ANV	HOSE	25/11/2021	26/11/2021	24/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	SFI	HOSE	19/11/2021	22/11/2021	2/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	CNC	UPCoM	17/11/2021	18/11/2021	2/12/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	C36	UPCoM	16/11/2021	17/11/2021	25/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	ST8	HOSE	15/11/2021	16/11/2021	8/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	HC3	UPCoM	15/11/2021	16/11/2021	1/12/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SMC	HOSE	12/11/2021	15/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	KHP	HOSE	12/11/2021	15/11/2021	1/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	PGN	HNX	12/11/2021	15/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:11	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
11	VPI	HOSE	11/11/2021	12/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	PVT	HOSE	11/11/2021	12/11/2021	6/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	L12	UPCoM	11/11/2021	12/11/2021	30/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	VNF	HNX	10/11/2021	11/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	ICT	HOSE	9/11/2021	10/11/2021	25/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	ADP	UPCoM	9/11/2021	10/11/2021	3/12/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	PTD	HNX	9/11/2021	10/11/2021	18/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	IDC	HNX	9/11/2021	10/11/2021	25/11/2021	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	PRT	UPCoM	9/11/2021	10/11/2021	18/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	TDT	HNX	9/11/2021	10/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
21	TDT	HNX	9/11/2021	10/11/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 3:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
22	HTC	HNX	8/11/2021	9/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	BVH	HOSE	8/11/2021	9/11/2021	30/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 898.5 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	TRC	HOSE	8/11/2021	9/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	VSC	HOSE	8/11/2021	9/11/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:1, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
26	SD5	HNX	5/11/2021	8/11/2021	22/11/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	SD5	HNX	5/11/2021	8/11/2021	31/03/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	ABI	UPCoM	5/11/2021	8/11/2021		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:14	Trả cổ tức bằng cổ phiếu



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931